TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 11 - 2023
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngày 15/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L.

Nơi thường trú: tổ F, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vương Bảo T.

Nơi thường trú: số B, ngõ D phố C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày:***

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị L kết hôn với anh T vào năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại số B, ngõ D phố C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không thành. Nay chị L xác định tình cảm dành cho anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Vương

Bảo T.

- **Về con chung:** vợ chồng anh, chị có 02 con chung tên là Vương Tuệ P, sinh ngày 30/8/2015 và Vương Mỹ A, sinh ngày 17/9/2020. Khi ly hôn, chị L đề nghị sẽ nhận nuôi con chung là Vương Mỹ A và đề nghị anh T nhận nuôi con là Vương Tuệ P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Vương Bảo T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại số B, ngõ D phố C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Nay chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh T có quan điểm như sau: mong muốn của anh là vợ chồng về đoàn tụ với nhau vì mâu thuẫn không lớn xuất phát từ vấn đề kinh tế và vợ chồng có thể tự hòa giải với nhau để hàn gắn lại tình cảm gia đình, chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay.

- Về con chung: vợ chồng anh, chị có 02 con chung tên là Vương Tuệ P, sinh ngày 30/8/2015 và Vương Mỹ A, sinh ngày 17/9/2020. Mong muốn của anh T là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về tài sản chung - nợ chung: Anh T và chị L không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Vương Tuệ P có ý kiến:*** Cháu Vương Tuệ P có nguyện vọng muốn ở với bố là Vương Bảo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vương Bảo T hiện đang cư trú tại phường N, quận T, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Vương Bảo T dựa trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải. Tại các phiên hòa giải, chị L đều trình bày thời gian chung sống của vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không muốn hàn gắn tình cảm lại với anh Vương Bảo T, còn anh T đều mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại với nhau. Tại phiên tòa, anh T vẫn có quan điểm không đồng ý ly hôn chị L, nhưng bản thân anh T cũng như chị L không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng đã bị rạn nứt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn

Ngọc L và anh Vương Bảo T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung nếu tiếp tục sẽ không thể hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Vương Tuệ P, sinh ngày 30/8/2015 và Vương Mỹ A, sinh ngày 17/9/2020. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Vương Mỹ A và đề nghị anh T nuôi dưỡng con chung là Vương Tuệ P, hai bên không phải cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho ai phải căn cứ vào điều kiện kinh tế, thu nhập của các bên và theo nguyện vọng của các con chung. Tại phiên tòa, các đương sự đều trình bày đủ khả năng và điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng các con chung. Mặt khác, cháu Vương Mỹ A là con gái và còn nhỏ nên cần giao cho mẹ là Nguyễn Ngọc L chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Vương Tuệ P có nguyện vọng muốn ở với bố nên giao cháu cho anh Vương Bảo T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L. Chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Vương Bảo T.

2. Về con chung:

- Chị Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vương Mỹ A, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2020 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh Vương Bảo T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vương Tuệ P, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2015 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Ngọc L và anh Vương Bảo T không phải cấp dưỡng cho các con.

Chị Nguyễn Ngọc L và anh Vương Bảo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004292 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
(UBND P.Nhân Chính, Q. Thanh Xuân)
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Vân